

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1369/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh  
đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại Tờ trình số 294/TTr-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Báo cáo thẩm định số 102/BC-BXD ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Vị trí và phạm vi lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới hành chính tỉnh Bắc Ninh, được giới hạn như sau: Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang; phía Đông giáp tỉnh Hải Dương; phía Nam giáp tỉnh Hưng Yên; phía Tây giáp Thủ đô Hà Nội.

b) Quy mô lập quy hoạch: Diện tích tự nhiên khoảng 822,71 km<sup>2</sup>; dân số năm 2017 khoảng 1.317.817 người.

c) Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2022, giai đoạn dài hạn đến năm 2035, tầm nhìn quy hoạch đến năm 2050.

## 2. Mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh gắn với quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, tạo thành một cực của tam giác tăng trưởng Hà Nội - Bắc Ninh - Vĩnh Phúc, trở thành đô thị văn minh, hiện đại trong vùng thủ đô và khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

- Quy hoạch mở rộng đô thị trung tâm Bắc Ninh gồm: Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, huyện Tiên Du, huyện Quế Võ, huyện Yên Phong, giữ vai trò là “đầu tàu và hạt nhân” thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đạt tiêu chuẩn đô thị loại I trực thuộc trung ương, làm cơ sở để xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc trung ương.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, từng bước xây dựng nền kiến trúc Bắc Ninh hiện đại, chú trọng bảo tồn và phát huy kiến trúc truyền thống, mang đặc trưng văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc.

- Xây dựng tỉnh Bắc Ninh có cơ sở kinh tế vững chắc, cơ sở hạ tầng đồng bộ và hiện đại, có môi trường sống tốt theo hướng đô thị văn hóa, sinh thái, đô thị thông minh, đáp ứng các nhu cầu cơ bản về vật chất, tinh thần của nhân dân; phát triển hài hòa giữa đô thị, nông thôn, con người và thiên nhiên; bảo vệ tốt môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xác lập cơ sở để quản lý, thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển vùng theo quy hoạch, pháp luật, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Xây dựng và phát triển vùng tỉnh gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng.

## 3. Tính chất quy hoạch

- Là một trong những trung tâm kinh tế của vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; nằm trên hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh với trọng tâm là phát triển công nghiệp và dịch vụ, trong đó tập trung vào kinh tế tri thức (giáo dục - đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ), thương mại, công nghiệp công nghệ cao.

- Là một đầu mối giao lưu, trung tâm cấp vùng về thương mại, du lịch văn hóa - lịch sử của vùng Thủ đô Hà Nội.

- Là một đô thị trong vùng thủ đô phát triển bền vững hướng tới kinh tế tri thức và “đô thị thông minh”, định hướng là thành phố trực thuộc trung ương.

- Có vị trí quan trọng về mặt an ninh, quốc phòng.

#### 4. Tầm nhìn đến năm 2050

- Tỉnh Bắc Ninh cùng với Thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh là một động lực phát triển kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đầu mối giao lưu, trung tâm du lịch văn hoá - lịch sử của vùng Thủ đô; thành phố Bắc Ninh trở thành trung tâm phát triển có sức cạnh tranh của quốc gia và khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trung tâm phát triển công nghệ cao của khu vực châu Á và thế giới.

- Trở thành một đô thị thông minh, thành phố trực thuộc trung ương, với các đặc trưng:

+ Hiện đại, văn minh, văn hiến, hài hoà, bền vững.

+ Có cơ sở kinh tế vững chắc, đảm bảo tốt an sinh xã hội và cuộc sống chất lượng cao.

+ Phát triển đô thị hiện đại, văn hóa, sinh thái, tri thức, đô thị thông minh và hiện đại hóa nông thôn.

+ An toàn ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

#### 5. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng

- Tốc độ tăng trưởng ổn định bình quân hàng năm giai đoạn 2018 - 2035: khoảng 11 - 13%;

- Đến năm 2022, dân số toàn tỉnh khoảng 1,56 triệu người; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 65 - 70%;

- Đến năm 2035, dân số toàn tỉnh khoảng 1,8 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 80%;

- Đến năm 2050, dân số toàn tỉnh Bắc Ninh khoảng 2,0 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 90%.

- Chỉ tiêu đất dân dụng khu vực phát triển mới: khoảng 90 m<sup>2</sup>/người.

#### 6. Định hướng phát triển không gian vùng

##### a) Cấu trúc phát triển

Cấu trúc vùng đô thị được định hướng thành vùng nội thành ở phía Bắc sông Đuống và vùng ngoại thành ở phía Nam sông Đuống theo định hướng phát triển tỉnh trở thành thành phố trực thuộc trung ương gồm: 01 đô thị trung tâm Bắc Ninh (vùng nội thành), 01 đô thị vệ tinh loại IV (thị xã Thuận Thành), cùng 02 vùng dân cư nông thôn là Gia Bình và Lương Tài. Cấu trúc không gian được kết hợp giữa cấu trúc mạng hướng tâm và 05 hành lang phát triển, gồm:

- Hành lang phát triển đô thị, dịch vụ dọc quốc lộ 1, nối Từ Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh, kết hợp với trục phát triển đô thị Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Giang.

- Hành lang phát triển đô thị, công nghiệp dọc quốc lộ 18, nối từ Yên Phong - Bắc Ninh - Quế Võ, xây dựng các đô thị công nghiệp hoàn chỉnh, phát triển các đô thị dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp.

- Hành lang phát triển đô thị, công nghiệp và nông nghiệp sinh thái công nghệ cao dọc quốc lộ 17, nối từ Quế Võ - Gia Bình - Thuận Thành.

- Hành lang phát triển đô thị dịch vụ dọc quốc lộ 38 và vành đai 04, thành phố Bắc Ninh, Thuận Thành.

- Hành lang phát triển du lịch văn hóa tâm linh - sinh thái dọc sông Đuống.

#### b) Tổ chức lãnh thổ

- Khu vực Bắc sông Đuống là vùng nội thành của thành phố trực thuộc trung ương (đô thị trung tâm) với chức năng là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ. Trung tâm khu vực là thành phố Bắc Ninh.

- Khu vực Nam sông Đuống là vùng ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương gồm: Huyện Thuận Thành với chức năng là vùng Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp; huyện Gia Bình với chức năng là vùng Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ và huyện Lương Tài với chức năng là vùng Nông nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ. Trung tâm khu vực là đô thị Thuận Thành.

#### c) Hệ thống đô thị

- Định hướng phát triển hệ thống đô thị đến năm 2035, gồm 07 đô thị:

+ Đô thị trung tâm Bắc Ninh đô thị loại I với diện tích khoảng 491,07 km<sup>2</sup>; dân số năm 2035 khoảng 1.340.000 người, được quy hoạch trên các địa bàn:

. Khu vực thành phố Bắc Ninh: Diện tích 82,64 km<sup>2</sup>; năm 2022 dân số khoảng 295.000 người, năm 2035 khoảng 310.000 người; là trung tâm tổng hợp, hành chính, chính trị của thành phố trong tương lai.

. Khu vực Từ Sơn: Diện tích 61,09 km<sup>2</sup>; năm 2022 dân số khoảng 230.000 người, năm 2035 khoảng 270.000 người; là trung tâm kinh tế, công nghiệp, dịch vụ.

. Khu vực Tiên Du: Diện tích: 95,6 km<sup>2</sup>; năm 2022 dân số khoảng 182.000 người, năm 2035 khoảng 210.000 người; là trung tâm dịch vụ thương mại, văn hóa, du lịch và công nghiệp sạch.

. Khu vực Yên Phong: Diện tích 96,93 km<sup>2</sup>; năm 2022 dân số khoảng 255.000 người; năm 2035 khoảng 320.000 người; là trung tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ.

. Khu vực Quế Võ: Diện tích 155,11 km<sup>2</sup>; năm 2022 dân số khoảng 210.000 người, năm 2035 khoảng 230.000 người; là trung tâm công nghiệp, dịch vụ.

+ Đô thị Thuận Thành: Đô thị loại IV; diện tích 117,83 km<sup>2</sup>; năm 2022 dân số khoảng 183.000 người, năm 2035 khoảng 200.000 người; tính chất là đô thị dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

+ Đô thị Gia Bình - huyện Gia Bình: Đô thị loại V; diện tích 11,03 km<sup>2</sup>; năm 2022 dân số: khoảng 15.600 người, năm 2035 khoảng 18.500 người; là thị trấn huyện lỵ của huyện Gia Bình.

+ Đô thị Thửa - huyện Lương Tài: Đô thị loại V; diện tích: 11,46 km<sup>2</sup>; năm 2022 dân số khoảng 19.000 người, năm 2035 khoảng 22.200 người; là thị trấn huyện lỵ của huyện Lương Tài.

+ Đô thị Nhân Thắng - huyện Gia Bình: Đô thị loại V; diện tích 8,19 km<sup>2</sup>; dân số năm 2022 khoảng 9.000 người, năm 2035 khoảng 10.000 người; là đô thị dịch vụ.

+ Đô thị Trung Khê - huyện Lương Tài: Đô thị loại V; diện tích xã Trung Khê 7,04 km<sup>2</sup>; dân số năm 2022 khoảng 5.000 người, năm 2035 khoảng 10.000 người; là đô thị dịch vụ.

+ Đô thị Cao Đức - huyện Gia Bình: Đô thị loại V; diện tích xã Cao Đức 11,469 km<sup>2</sup>; dân số năm 2035 khoảng 7.000 người; là đô thị dịch vụ.

- Quy hoạch phát triển các trọng điểm mới của đô thị, phát triển vành đai xanh “du lịch, văn hoá và sinh thái” sông Đuống:

+ Các khu chức năng cấp vùng tỉnh: Khu Đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ I (Làng Đại học I) tại thành phố Bắc Ninh với diện tích khoảng 200 ha; Khu Đào tạo nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ II (Làng Đại học II) tại huyện Tiên Du với diện tích khoảng 500 ha và bổ sung thêm chức năng đô thị vào khu đào tạo; Khu đô thị du lịch Phật Tích diện tích khoảng 2.200 ha tại huyện Tiên Du; Khu Liên hiệp thể thao tỉnh Bắc Ninh diện tích khoảng 135 ha tại huyện Tiên Du và huyện Quế Võ; Khu đô thị sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn huyện Tiên Du, thị xã Từ Sơn khoảng 1.400 ha; Khu du lịch văn hóa và sinh thái núi Đạm diện tích khoảng 200 ha tại thành phố Bắc Ninh; Sân golf quốc tế Thuận Thành diện tích khoảng 100 ha tại huyện Thuận Thành, Sân golf quốc tế Yên Phong diện tích khoảng 100 ha tại huyện Yên Phong; Khu tổ hợp đô thị, du lịch văn hóa, vui chơi giải trí diện tích khoảng 2.000 ha tại huyện Thuận Thành.

+ Phát triển vành đai xanh “du lịch, văn hóa và sinh thái” sông Đuống, lấy sông Đuống làm trung tâm, cụm di tích ở khu vực huyện Thuận Thành gồm Lăng Kinh Dương Vương, chùa Dâu, chùa Bút Tháp, khu vực Phật Tích và cụm di tích lịch sử văn hóa ở huyện Gia Bình làm hạt nhân với các chức năng: Vành đai xanh, cân bằng sinh thái; vùng cảnh quan, hành lang kết nối hai khu vực Bắc và Nam sông Đuống; “Xương sống” của bộ khung bảo vệ thiên nhiên; vùng bảo tồn các di tích văn hóa, lịch sử, làng cổ, làng nghề truyền thống; vùng du lịch văn hóa, sinh thái, nghỉ dưỡng.

d) Hệ thống điểm dân cư nông thôn

- Hiện đại hóa nông thôn theo chương trình xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- Cải tạo chỉnh trang gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, cảnh quan sinh thái tự nhiên; bổ sung tiện ích công cộng, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Xác định cụ thể danh mục các công trình, đối tượng, không gian cần bảo tồn để có biện pháp ứng xử phù hợp.

- Kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng, tầng cao công trình, kiến trúc công trình và bảo vệ môi trường cảnh quan khu vực nông thôn; kiểm soát tối đa việc đô thị hóa tự phát; hình thức kiến trúc không phù hợp làm phá vỡ cảnh quan và môi trường khu vực nông thôn; thực hiện bảo tồn các không gian làng ở nông thôn và đô thị.

đ) Các khu vực kiểm soát đặc biệt

- Các khu vực hành lang thoát lũ như sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình: Thực hiện theo quy hoạch, xác định cụ thể ranh giới thoát lũ, vị trí các tuyến đê và quy định cụ thể hoạt động xây dựng theo từng khu vực.

- Các khu di tích văn hóa lịch sử quan trọng: Lập danh mục cụ thể, xác định các giá trị và quy định ranh giới bảo tồn làm cơ sở định hướng cho hoạt động xây dựng, bảo vệ các di tích theo Luật bảo tồn di sản.

- Các khu vực cảnh quan sông Đuống, Phật Tích, Núi Dạm, núi Thiên Thai: Quy hoạch bảo tồn, phát triển gắn với các dự án du lịch, khai thác không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên.

- Khu vực an ninh, quốc phòng: Hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng các quỹ đất an ninh quốc phòng; việc đầu tư xây dựng phải được cơ quan thẩm quyền thống nhất theo quy định.

- Kiểm soát và cấm mọi hoạt động xây dựng xâm phạm đối với: Hành lang bảo vệ vùng thoát lũ; hành lang bảo vệ di tích văn hóa lịch sử; hành lang bảo vệ an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật; hành lang dự trữ phát triển các tuyến hạ tầng; vùng cảnh quan sinh thái.

e) Hệ thống cơ sở sản xuất

- Khu công nghiệp tập trung, Khu công nghệ cao và Cụm công nghiệp:

+ Khu công nghiệp tập trung: Theo quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung với tổng diện tích khoảng 6.397,7 ha.

+ Quy hoạch Khu công nghệ cao diện tích khoảng 250 ha.

+ Cụm công nghiệp: Theo Quy hoạch các Cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (tổng diện tích đến năm 2035 khoảng 900 ha), sẽ từng bước điều chỉnh sang đô thị cho phù hợp.

- Thương mại, dịch vụ và du lịch

+ Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, có sức thu hút dân cư lớn như: Giáo dục đào tạo; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; y tế và nghỉ dưỡng; du lịch văn hoá và thương mại.

+ Phát triển trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm mua sắm và 02 logistic tại khu vực huyện Quế Võ khoảng 100 ha và khu vực huyện Yên Phong - thành phố Bắc Ninh khoảng 100 ha. Phát triển trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, trung tâm bán buôn, siêu thị lớn gắn với trung tâm các khu vực đô thị. Phát triển hệ thống chợ đầu mối gắn với các vùng làng nghề, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp làng nghề địa phương. Nâng cấp hệ thống chợ hiện trạng.

+ Quy hoạch đưa tỉnh Bắc Ninh trở thành một trung tâm du lịch - văn hóa và sinh thái hấp dẫn của đồng bằng sông Hồng và cả nước, có ý nghĩa quốc tế, tại thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, các huyện Thuận Thành, Gia Bình, Tiên Du, theo hướng phát triển kết nối các đầu mối văn hóa - du lịch. Hình thành các tuyến du lịch đường bộ, đường thủy trên các sông, đặc biệt là sông Đuống.

- Nông nghiệp:

+ Quy hoạch, bố trí sử dụng đất nông nghiệp gồm các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung ở khu vực Nam sông Đuống, đặc biệt là các huyện Gia Bình và Lương Tài; các vùng nông nghiệp công nghệ cao khu vực ngoại thành, ngoại thị, gắn với quá trình đô thị hoá tại đô thị trung tâm Bắc Ninh và huyện Thuận Thành, trên cơ sở bảo tồn quỹ đất trồng lúa hai vụ theo chỉ tiêu của Chính phủ.

+ Đẩy mạnh quá trình tổ chức lại sản xuất trên cơ sở mô hình các hợp tác xã phức hợp nông nghiệp (sản xuất - chế biến - tiêu thụ).

g) Hệ thống hạ tầng xã hội

- Công sở, trụ sở làm việc

+ Trung tâm hành chính - chính trị cấp tỉnh tại thành phố Bắc Ninh. Trung tâm hành chính cấp huyện hiện hữu nâng cấp đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.

+ Phát triển các khu trung tâm hành chính công và xây dựng các tòa nhà liên cơ quan.

+ Phát triển hệ thống các khu vực hành chính, văn phòng cho thuê theo hướng ứng dụng công nghệ, hiện đại, thân thiện để phục vụ nhân dân.

- Nhà ở

+ Định hướng đến năm 2022: Nhà ở khu vực đô thị đạt khoảng 30 m<sup>2</sup>/người, nhà ở khu vực nông thôn 25 m<sup>2</sup>/người; đến năm 2035: Nhà ở khu vực đô thị 35 m<sup>2</sup>/người, nhà ở khu vực nông thôn 30 m<sup>2</sup>/người.

+ Phát triển nhà ở đô thị gắn với các dự án đầu tư khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

+ Kiểm soát chặt chẽ việc phát triển nhà ở tại các điểm dân cư nông thôn về kiến trúc công trình, mật độ xây dựng, tầng cao công trình. Hạn chế tối đa việc ảnh hưởng tới các không gian làng xóm truyền thống và các không gian di tích văn hóa lịch sử.

+ Thu hút phát triển các dự án nhà ở xã hội theo quy hoạch phát triển đô thị theo tiêu chí đô thị loại I.

- Hệ thống giáo dục đào tạo và dạy nghề

+ Quy hoạch Khu đô thị đại học tập trung tại thành phố Bắc Ninh và huyện Tiên Du để thu hút các cơ sở đào tạo từ trong trung tâm Hà Nội di dời ra bên ngoài và các cơ sở xây dựng mới, tạo nên khu đô thị tri thức, tạo động lực phát triển cho khoa học công nghệ của tỉnh Bắc Ninh và nguồn nhân lực chất lượng cao.

+ Tại thành phố Bắc Ninh và thị xã Từ Sơn phát triển các cơ sở đào tạo nghề, hướng nghiệp cho lao động tại tỉnh Bắc Ninh và vùng lân cận.

+ Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục phổ thông theo tiêu chuẩn, quy phạm, chất lượng cao, kết hợp xây dựng mới và cải tạo chỉnh trang các cơ sở hiện hữu, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng dân số và phân bố dân cư, đảm bảo cự ly tiếp cận, gắn với các sân bãi thể thao, xây dựng đầy đủ cơ sở nội trú, thực nghiệm.



- Y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng
- + Phát triển các bệnh viện lớn cấp vùng tỉnh tại thành phố Bắc Ninh và thị xã Từ Sơn; trung tâm y tế, nghỉ dưỡng lớn tại huyện Tiên Du.
- + Xây dựng hệ thống các trung tâm y tế cấp tỉnh theo quy hoạch phát triển ngành y tế của tỉnh Bắc Ninh.
- + Thu hút phát triển các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa chất lượng cao, tiêu chuẩn quốc tế. Cải tạo nâng cấp các bệnh viện đa khoa hiện trạng.
- + Đẩy mạnh phát triển y tế ngoài công lập.
- Công trình, thiết chế văn hóa, thể thao
- + Quy hoạch các trung tâm văn hoá - thể dục thể thao cấp vùng tỉnh tại thành phố Bắc Ninh và trung tâm thể dục thể thao cấp vùng thủ đô tại khu đô thị Nam Sơn.
- + Phát triển hệ thống cây xanh công viên, mặt nước, vui chơi giải trí quy mô lớn cấp khu vực và các khu liên hợp thể dục thể thao tại các trọng điểm: Khu du lịch Núi Dạm, Phật Tích, hành lang xanh sông Đuống, các khu đô thị sinh thái, các sông núi, các hành lang xanh và các vùng nông nghiệp chuyên canh tạo thành bộ khung thiên nhiên, cân bằng sinh thái, đạt chỉ tiêu cây xanh tối đa.

#### h) Định hướng phát triển theo mô hình đô thị thông minh

- Phát triển Bắc Ninh theo định hướng kinh tế tri thức, sản xuất công nghệ cao, xây dựng mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông minh, ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý phát triển đô thị, nông thôn. Khu vực Nam Sơn được xây dựng trở thành trung tâm động lực khoa học, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, trở thành trung tâm sáng tạo của vùng và quốc gia.
- Phát triển hệ thống giao thông và hạ tầng thông minh, hạ tầng xanh, ứng dụng khoa học công nghệ trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo hành lang dự trữ cho hạ tầng thông minh trong tương lai.
- Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để kiểm soát các vấn đề môi trường, kiểm soát thảm họa thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đặc biệt quan tâm tới môi trường sản xuất công nghiệp làng nghề, môi trường xây dựng và an toàn cộng đồng.

- Phát triển các tiện ích thông minh cho dân cư đô thị, khuyến khích các khu vực đô thị, dự án khu đô thị xây dựng theo mô hình đô thị thông minh, xác định chỉ tiêu phát triển cụ thể cho từng khu vực, theo từng giai đoạn để làm định hướng phát triển đô thị thông minh.

i) Định hướng phát triển các hành lang xanh, nêm xanh, vành đai xanh

Hình thành các hành lang xanh gắn với các tuyến sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình, sông Ngũ Huyện Khê; các vành đai xanh bao quanh các khu vực đô thị để giới hạn sự phát triển lan tỏa tự phát của các đô thị và các nêm xanh. Các không gian xanh được hình thành gắn với thực hiện bảo tồn các khu vực di sản, cung cấp các dịch vụ sinh thái cho đô thị và tạo môi trường cảnh quan cho hoạt động đô thị. Giải pháp thiết kế cụ thể của từng khu vực được thực hiện theo đồ án quy hoạch riêng gắn với thực trạng cụ thể của từng khu vực.

7. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đai

- Đến năm 2022: Đất sử dụng phi nông nghiệp khoảng 43.846 ha (chiếm tỷ trọng 53,3% diện tích tự nhiên), đất nông nghiệp khoảng 38.425 ha (chiếm tỷ trọng 46,7% diện tích tự nhiên). Đến năm 2035: Quỹ đất sử dụng phi nông nghiệp khoảng 50.471 ha (chiếm tỷ trọng 61,3% diện tích tự nhiên), diện tích đất nông nghiệp khoảng 31.800 ha (chiếm tỷ trọng 38,7% diện tích tự nhiên).

- Đến năm 2022 diện tích đất lúa 2 vụ khoảng 33.500 ha, đến năm 2035 đất lúa 2 vụ có xu hướng giảm dần phục vụ cho quá trình đô thị hóa trên cơ sở đảm bảo an ninh lương thực.

- Bảo vệ quỹ đất cảnh quan thiên nhiên ven sông, hồ và đất danh thắng, di tích văn hóa lịch sử; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất thuộc hành lang an toàn kỹ thuật, đất bộ khung bảo vệ thiên nhiên và các loại đất thuộc vùng cấm xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Bố trí quỹ đất có điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các khu đô thị và nông thôn; các khu và cụm công nghiệp; các khu và cụm du lịch; các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật và các loại đất phi nông nghiệp khác.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng quy hoạch giao thông

Tận dụng cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, phát huy tối đa về lợi thế địa lý của vùng tỉnh, tập trung cải tạo nâng cấp kết hợp xây dựng mới mạng lưới giao thông hiện đại, đồng bộ; phát triển đa dạng các loại hình vận tải, kết nối

liên thông giữa các phương thức vận tải (đường thủy, đường bộ, đường sắt và đường hàng không); phát triển hệ thống giao thông công cộng đa dạng phù hợp với các đô thị.

- Đường bộ:

+ Hình thành các trục chủ đạo:

. Trục liên kết vùng: Vành đai 4 Hà Nội; cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên; cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn; cao tốc Nội Bài – Bắc Ninh – Hạ Long; đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, đường sắt Yên Viên - Hạ Long.

. Trục liên kết đô thị: Quốc lộ 17; quốc lộ 18; quốc lộ 38; đường tỉnh 295B; đường tỉnh 295C.

. Trục liên kết khu vực: Đường tỉnh 276; đường tỉnh 279; đường tỉnh 281; đường tỉnh 282B; đường tỉnh 285; đường tỉnh 285B; đường tỉnh 287; đường tỉnh 277 hình thành vành đai kết nối khu vực nội thành và ngoại thành.

+ Hình thành các “cửa ngõ” chính:

. Bắc Ninh - Hà Nội: Cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn; quốc lộ 17;

. Bắc Ninh - Nội Bài: Cao tốc Nội Bài – Bắc Ninh;

. Bắc Ninh - Thái Nguyên: Cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên;

. Bắc Ninh - Bắc Giang: Cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn;

. Bắc Ninh - Hạ Long: Cao tốc Nội Bài – Hạ Long;

. Bắc Ninh - Hưng Yên: Vành đai 4; 283 - Văn Lâm;

. Bắc Ninh - Hải Dương: Quốc lộ 38; Kênh Vàng – quốc lộ 37;

+ Giao thông tỉnh: Bố trí 03 bến xe cấp vùng phục vụ trong và ngoài tỉnh gần các trục đường đối ngoại chính vành đai 4 và quốc lộ 38; cao tốc Nội Bài – Bắc Ninh - Hạ Long và đường tỉnh 295C; quốc lộ 18 và cao tốc Nội Bài – Bắc Ninh - Hạ Long.

- Đường sắt

+ Đường sắt quốc gia: 3 tuyến

. Tuyến Hà Nội – Lạng Sơn. Nâng cấp cải tạo tuyến hiện trạng để đảm bảo an toàn giao thông. Bổ sung tuyến Hà Nội – Bắc Ninh theo Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, tuyến đi dọc đường Vành đai 4 và cao tốc Hà Nội – Hạ Long.

. Tuyến Hà Nội – Hạ Long: Tuyến đi dọc đường cao tốc Hà Nội – Hạ Long.

+ Tiếp tục xây dựng tuyến đường sắt Yên Viên - Cái Lân dựa trên quy hoạch đã được triển khai.

+ Đường sắt hành khách vùng: 3 tuyến.

. Tuyến Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Giang, tuyến đi dọc cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn.

. Tuyến Hà Nội - Vĩnh Yên, tuyến đi dọc cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn rồi rẽ theo hướng cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đi Vĩnh Yên.

. Tuyến Hà Nội - Hải Dương, tuyến đi dọc cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn và cao tốc Hà Nội - Hạ Long đến Hải Dương. Tuyến đi dọc quốc lộ 18 để dễ dàng tiếp cận với khu vực dân cư đô thị.

- Đường thủy: Xây dựng hệ thống cảng, đường thủy vận tải hàng hóa, hành khách và phục vụ du lịch; tăng cường cải tạo luồng tuyến, chú trọng khai thác các sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình. Hỗ trợ vận tải hàng hóa ra các khu, cụm cảng biển nước sâu tại khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng, trọng tâm là luồng tuyến sông Đuống, sông Thái Bình. Cảng ICD Quế Võ.

- Đường hàng không: Sử dụng sân bay quốc tế Nội Bài cách trung tâm đô thị Bắc Ninh khoảng 31 km theo quốc lộ 18.

- Giao thông công cộng

+ Cải tạo các tuyến xe buýt hiện có gồm: Bắc Ninh - Hồ - Gia Bình - Thứa, Bắc Ninh - Phố Mới và Bắc Ninh - Lim - Từ Sơn, Bắc Ninh - Chờ. Phát triển xe buýt nhanh cho các tuyến chủ đạo: Bắc Ninh - Hồ, Yên Phong - Từ Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh; liên kết với ga đường sắt đô thị theo mô hình TOD.

+ Quy hoạch và chuẩn bị đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt đô thị theo các trục liên kết khu vực: Từ Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh - Quế Võ; Bắc Ninh - Tiên Du - Hồ.

b) Tiêu thoát lũ và phân vùng tiêu thoát nước:

Tiêu thoát lũ tại Bắc Ninh thực hiện theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ và Quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; thường xuyên kiểm tra, tu bổ và đảm bảo an toàn các tuyến đê với tần suất chống lũ 2%.

Phân vùng tiêu: Toàn vùng chia thành 02 phân vùng tiêu là Bắc Đuống và Nam Đuống.

- Vùng Bắc Đuống: Tổng diện tích khoảng 46.089 ha. Thoát nước qua hệ thống kênh thủy lợi (ngòi Con Tên, kênh Đặng Xá, kênh Tào Khê, kênh Kim Đồi, kênh Hiền Lương, kênh Trịnh Xá,...) và được bơm cưỡng bức ra hệ thống sông Ngũ Huyện Khê, sông Cầu, sông Đuống.

- Vùng Nam Đuống: Tổng diện tích khoảng 29.840 ha. Thoát nước qua hệ thống kênh thủy lợi (kênh Ngọc Quan, sông Dâu, sông Đại Quảng Bình, sông Bội, sông Bắc Hưng Hải, sông Thừa...) và được bơm cưỡng bức ra hệ thống sông Đuống, sông Thái Bình.

Khai thông, mở rộng, nạo vét các trục tiêu chính của các phân vùng. Cải tạo, nâng cấp, xây mới các trạm bơm tiêu đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước cho toàn tỉnh.

#### c) Định hướng cao độ nền xây dựng

Quy hoạch san nền kết hợp chặt chẽ với quy hoạch thoát nước mưa, đảm bảo không bị ảnh hưởng của lũ lụt, các tác động bất lợi của thiên nhiên và việc biến đổi khí hậu. Cao độ nền không chế của từng đô thị được lựa chọn theo chế độ thủy văn của sông, ngòi ảnh hưởng trực tiếp tới đô thị; tuân thủ quy chuẩn hiện hành, mức độ quan trọng, không mâu thuẫn với các quy hoạch đã được duyệt và hài hòa với các khu vực đã xây dựng liền kề. Cụ thể cao độ san nền trung bình đối với các khu vực mới tại: Đô thị trung tâm Bắc Ninh như sau: Đô thị Yên Phong Hxd = 5,5m. Đô thị Kinh Bắc Hxd = 4,5m. Đô thị Quế Võ Hxd = 4,5m. Đô thị Từ Sơn Hxd = 6,0m. Đô thị Tiên Du = 5,0m. Đô thị Thuận Thành Hxd = 4,5m. Các đô thị thuộc huyện Gia Bình và huyện Lương Tài Hxd = 4,0m. Các khu dân cư nông thôn cao độ nền xây dựng mới cao hơn nền ruộng 1÷1,5m. Các khu xây dựng cũ, căn cứ cao độ không chế từng bước cải tạo khi có điều kiện.

#### d) Định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước mặt

Phát huy tối đa khả năng thoát nước mặt bằng hệ thống thoát nước, tăng diện tích thấm nước mưa, bố trí hệ thống công trình nhằm điều tiết nước mưa, kết hợp cùng giải pháp bơm cưỡng bức hợp lý. Hạn chế chuyển đổi diện tích mặt nước thủy lợi hiện có sang mục đích khác.

#### Khu vực đô thị:

- Cải tạo, xây dựng mới hệ thống mạng lưới cống, kênh, sông và các trạm bơm thoát nước, công trình thấm, trữ và chứa nước mưa. Cải tạo, bảo tồn và giảm thiểu ô nhiễm các hồ hiện có, phát huy chức năng tổng hợp các hồ điều hoà và hồ cảnh quan. Hệ thống hồ điều hoà phân bố đều trên các lưu vực, phần đầu đảm bảo diện tích hồ điều hoà chiếm 5 - 8% diện tích xây dựng đô thị.

- Cải tạo hệ thống thoát nước hiện có theo hướng tách nước thải ra khỏi hệ thống thoát nước mưa. Xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước riêng cho các khu vực phát triển mới hoặc chưa có hệ thống thoát nước.

Khu vực ven đô và ngoài đô thị:

- Lựa chọn hệ thống thoát nước phù hợp với hệ thống tiêu thủy lợi và điều kiện của địa phương.

- Cải tạo, gia cố và chống sạt lở kênh, mương, sông đảm bảo mặt cắt tiêu thoát nước đặc biệt là khu vực đi qua khu dân cư tập trung.

đ) Định hướng quy hoạch cấp điện

Tổng nhu cầu phụ tải toàn tỉnh đến năm 2035 khoảng 3.700 MVA.

Nguồn điện: Xây dựng mới trạm biến áp 500kV Bắc Ninh từ nhánh rẽ 500 kV đầu vào tuyến 500 kV Hiệp Hoà – Phố Nối, công suất 3x900 MVA; các trạm 220 KV Bắc Ninh 4, Bắc Ninh 5, Bắc Ninh 6, Bắc Ninh 7; các trạm 110 KV. Nâng công suất các trạm 220 KV và 110 KV hiện có trên địa bàn tỉnh theo từng thời kỳ đảm bảo phù hợp với tốc độ phát triển phụ tải.

Lưới điện: Xây dựng bổ sung các tuyến điện 220 KV và 110 KV kết nối trạm biến áp 500 kV Bắc Ninh với các trạm 220 KV và 110 KV trên địa bàn tỉnh.

Từng bước, ngầm hóa các đường dây cao thế hiện có trong phạm vi đô thị trung tâm. Lưới điện xây dựng mới và cải tạo lại trong phạm vi đô thị trung tâm, phải đi ngầm.

Cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị phù hợp với tính chất chức năng công trình và tiêu chuẩn quy định. Tỷ lệ 100% đường đô thị và trên 85% đường ngõ xóm được chiếu sáng hiệu suất cao. Phát triển mô hình điều khiển chiếu sáng tập trung cho các khu vực đô thị.

e) Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc

Nâng cấp công nghệ chuyển mạch, xây dựng hệ thống mạng truyền dẫn trên toàn tỉnh. Triển khai đồng bộ mạng cáp ngầm theo hệ thống công trình ngầm tại khu vực đô thị. Đầu tư nâng cấp hạ tầng thông tin để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và làm cơ sở xây dựng đô thị thông minh tại khu vực đô thị trung tâm.

Phát triển, nâng cao chất lượng mạng lưới bưu chính, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội.

Tăng cường triển khai đồng bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội.

Phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, tốc độ cao, băng thông rộng, theo xu hướng của thế giới, kết nối liên thông từ trung ương đến địa phương và các tỉnh, thành khác.

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo công nghệ tiên tiến, hiện đại và đồng bộ, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng cho toàn tỉnh, ứng dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển khu công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm, các trung tâm cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho thị trường trong và ngoài tỉnh.

g) Định hướng quy hoạch cấp nước

Tổng nhu cầu cấp nước đến năm 2035 khoảng 540.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó nhu cầu cấp nước cho đô thị là 375.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước cấp cho nông thôn 45.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước cấp cho công nghiệp 120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nguồn nước: Khai thác sử dụng chủ yếu nguồn nước sông Đuống, sông Thái Bình và một phần từ sông Cầu; nước ngầm khai thác quy mô nhỏ.

Công trình đầu mối:

- Công suất một số nhà máy nước (NMN) chính khu vực Bắc sông Đuống đến năm 2035: NMN khu vực huyện Quế Võ (cấp cho thành phố Bắc Ninh và huyện Quế Võ) công suất 200.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; NMN khu vực huyện Tiên Du công suất 60.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; NMN khu vực huyện Yên Phong công suất 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. NMN sông Đuống, Gia Lâm, Hà Nội là nguồn nước cấp bổ sung cho Bắc Ninh 60.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Công suất một số nhà máy nước chính khu vực Nam sông Đuống: NMN khu vực huyện Thuận Thành công suất 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; NMN khu vực huyện Gia Bình công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm; NMN khu vực huyện Lương Tài công suất 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

h) Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý nước thải

Tổng lượng nước thải đến năm 2035 khoảng 400.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tỷ lệ thu gom nước thải đô thị đạt trên 90%.

Cải tạo, nâng cấp hệ thống cống tại các khu vực nội thành, các khu đô thị cũ; khu đô thị mới phải xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, xử lý nước thải tập trung. Quy hoạch các nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu vực đô thị phải đảm bảo vệ sinh môi trường, có dây chuyền công nghệ hiện đại. Khu vực nông thôn xây dựng hệ thống thoát nước chung, ưu tiên xử lý nước thải sinh học trong điều kiện tự nhiên. Các cơ sở y tế, khu và cụm công nghiệp phải thu gom nước thải riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

i) Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn

Tổng lượng chất thải rắn đến năm 2035 khoảng 3.500 tấn/ngày đêm.

Tỷ lệ thu gom chất thải đô thị đạt 100%, vùng nông thôn đạt trên 95%. Chất thải rắn dần được phân loại tại nguồn. Xây dựng mới và mở rộng 06 cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung với tổng diện tích khoảng 100 ha gồm các khu xử lý phía Bắc sông Đuống tại huyện Quế Võ và huyện Yên Phong và các khu xử lý phía Nam sông Đuống tại huyện Lương Tài, huyện Gia Bình và huyện Thuận Thành.

Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cấp tỉnh tại Phù Lãng áp dụng công nghệ tổng hợp bao gồm đốt, tái chế chất vô cơ, chế biến phân hữu cơ, chôn lấp hợp vệ sinh. Ưu tiên áp dụng công nghệ đốt thu hồi năng lượng tại các cơ sở xử lý cấp tỉnh, cấp huyện.

Dài hạn đến năm 2050, cần có giải pháp liên kết với các tỉnh xung quanh như Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Dương để bố trí các cơ sở xử lý mới cấp vùng theo định hướng quy hoạch vùng Thủ đô đã đề xuất.

k) Định hướng quy hoạch quản lý nghĩa trang

Từng bước ngừng hung táng tại các nghĩa trang nằm trong khu vực thành phố Bắc Ninh, các huyện Yên Phong, Tiên Du, Từ Sơn. Nhu cầu hung táng bố trí tại các nghĩa trang tập trung phía Nam sông Đuống và huyện Quế Võ.

Đóng cửa các nghĩa trang đã lấp đầy trong khu vực đô thị và trồng cây xanh cách ly đảm bảo môi trường cảnh quan theo hướng nghĩa trang vườn.

Xây dựng mới và mở rộng 10 nghĩa trang tập trung gắn với từng đô thị, huyện, thị xã với tổng diện tích khoảng hơn 200 ha. Xây dựng đài hoả táng tại khu vực huyện Thuận Thành.

Xây dựng mới các nhà tang lễ cho đô thị trung tâm và đô thị Thuận Thành.



## 9. Đánh giá môi trường chiến lược

### a) Các vấn đề về môi trường cần quan tâm;

- Giảm thiểu các tác động xã hội khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất.
- Ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động do chất thải phát sinh.
- Bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học trong khu vực.
- Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

### b) Các biện pháp giảm thiểu tác động, bảo vệ môi trường:

- Áp dụng công nghệ, kỹ thuật.
- Xây dựng kế hoạch thích ứng biến đổi khí hậu.
- Xây dựng kế hoạch phòng chống tai biến môi trường.
- Xác định rõ các vùng bảo vệ hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học.
- Quản lý và giám sát chất lượng môi trường.

## 10. Các chương trình dự án ưu tiên đầu tư

- Xây dựng Đề án thành lập thành phố trực thuộc trung ương; Đề án thành phố thông minh; Đề án bảo tồn và phát huy hệ thống di sản. Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035.

- Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kết nối với Thủ đô Hà Nội.
- Phát triển các khu đô thị, du lịch, thương mại, dịch vụ lớn cấp vùng tỉnh.
- Phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao.
- Đề án nâng cao năng lực quản lý của chính quyền đô thị.
- Đề xuất các cơ chế chính sách, đẩy mạnh thu hút đầu tư.

### **Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh:

- Ban hành quy định quản lý theo Đề án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức công bố, công khai Đề án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công FTĐT, các Vụ: TH, KTHH, QHĐP, NN, NC, KGVX;
- Lưu: VT, CN (2b). PC *đđ*

**KT. THỦ TƯỚNG  
TUONG PHO THỦ TƯỚNG**



**Trịnh Đình Dũng**